

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: 1753/1999/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v giao kế hoạch đầu tư đợt 2 năm 1999

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN.

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND,
- Căn cứ quyết định số: 306/1999/QĐ-UB ngày 27/1/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 1999.
- Căn cứ công văn số: 1888BKH/TH ngày 26/3/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc thông báo thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng vượt kế hoạch năm 1996 - 1997.
- Xét đề nghị của ông Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư và xây dựng đợt 2 năm 1999 cho UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, các Sở, ban, Ngành và các chủ đầu tư (Có biểu chi tiết kèm theo).

- Chỉ tiêu vốn thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng vượt kế hoạch 1996-1997, được thanh toán đến ngày 30/6/1999.

Điều 2: Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị thực hiện kế hoạch được giao.

Điều 3: Các Ông, Bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố, Thị xã, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/hiện).
- Bộ KH và ĐT (B/cáo).
- Bộ tài chính (B/cáo).
- TT Tỉnh ủy (B/cáo).
- TT HĐND (B/cáo).
- Lưu VP, XDCB.

TM/UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



CHỦ TỊCH

MAI PHÚC TOÀN

Bh



-H1-

ph

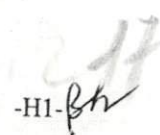
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN BẰNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP
KINH TẾ THUỘC NGÂN SÁCH CỦA CÁC HUYỆN - THÀNH - THỊ NĂM 1999**

(Kèm theo quyết định số: 1753 /QĐ-UB ngày 25 tháng 6 năm 1999
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Đơn vị - Chỉ tiêu	Kế hoạch 1999	Ghi chú
1	2	3
Tổng số:	4.240	
I/ Huyện Đại từ.	440	
1. Sửa chữa các công trình Thuỷ lợi	100	
2. Hỗ trợ sửa chữa giao thông	50	
3. Hỗ trợ ngôi hoá trường học	190	
4. Sửa chữa nhà là việc các cơ quan huyện	100	
II/ Huyện Phú Lương.	460	
1. Chuẩn bị dự án hỗ trợ cho sản xuất	10	
2. CBĐT các dự án của huyện	150	
3. Quy hoạch sử dụng đất đai	90	
4. Sửa chữa đường Bưu điện - Hồng lê	20	
5. Sửa chữa thuỷ lợi nhỏ	30	
6. Sửa chữa Chợ Đu	20	
7. Trả nợ các công trình từ năm 1997	120	
8. Các công trình sửa chữa khác.	20	
III/ Huyện Hồng Hỷ.	648	T.đó có 288 ^{tr} thu vượt
1. Trả nợ Trự sở UBND Thị trấn Chùa Hang	100	NS 98 chuyển sang
2. Trả nợ Trự sở UBND xã Văn Lăng	40	
3. Trả nợ Trự sở UBND xã Huống Thượng	20	
4. Trả nợ Trự sở xã Nam Hoà.	15	
5. Sửa chữa đập La Nong Hoá Thượng	45	
6. Kiên cố hoá kênh mương (H.thượng, N.Hoà, Cao Ngạn).	105	
7. Phòng chống bão lụt và hạn hán	11	
8. Sửa chữa cầu cáp Cao Ngạn - Sơn Cẩm	30	
9. Mua ống cống cho giao thông nông thôn	50	
10. Nâng cấp đường giao thông nông thôn	50	
11. Trả nợ hỗ trợ Trường học cấp 1 Chùa hang, Đồng bầm, Hoá thượng.	90	





1	2	3
7. Xây dựng trạm bơm Tư Cá Thuỷ lợi Gia sàng	8	
8. Hồ thuỷ lợi Phú Thọ Phường Phú xã	20	
9. Đường từ sân Vận động - Ngã ba đường 74b	10	
10. Đường giao thông Khu tập thể Đội cần Đồng quang	30	
11. Xây dựng trạm biến áp xã Phúc Trìu	75	
12. Xây dựng Kiốt Chợ Trung tâm Thành phố.	50	
13. Sửa chữa phòng khám bệnh Khu nam Thành phố.	6	
14. Dự án xử lý rác thải Thịnh đức.	45	
15. Dự án qui hoạch chi tiết công viên Sông cầu	23	
16. Hỗ trợ Đài tưởng niệm Phường Trung Thành	10	
17. Kênh xây N ₁₃ xã Tích lương	12	
18. Đường vào Trường Đại học Y khoa	33	
Xây dựng mới năm 1999:	140	
1. Sửa chữa nhà ăn, nhà làm việc UBND Thành phố.	70	
2. S/c nhà làm việc, cấp nước phòng KH và TC Thành phố	60	
3. Sửa chữa phòng làm việc Đội thanh tra xây dựng	10	
VII/ Thị xã Sông công	410	
I. Trả nợ khối lượng năm 1998:	168	
1. Cải tạo Hội trường UBND Thị xã	89	
2. S/c nhỏ các công trình Thuỷ lợi.	15	
3. Sửa chữa trụ sở UBND xã, phường.	14	
4. Đường điện Cao áp Thuỷ ngân (nội thị).	50	
II. Công trình chuyển tiếp:	100	
1. Nhà câu lạc bộ Thiếu nhi thị xã.	100	
III. Công trình xây dựng mới:	142	
1. Sân vận động thị xã.	100	
2. Sửa chữa nhỏ Thuỷ lợi xã phường.	42	
VIII/ Huyện Phú Bình.	472	
1. Duy tu bảo dưỡng đường giao thông	48	
2. Hỗ trợ sửa chữa cống tưới Dương Thành.	8	
3. Hỗ trợ sửa chữa Kênh T ₂ -T ₃ -T ₄ Hương sơn	8	
4. Hỗ trợ xây đập dâng xã Thượng đình.	8	
5. Hỗ trợ sửa cống tưới xã Úc kỳ.	7	
6. Hỗ trợ xây đập Năng gác - Tân thành.	8	
7. Hỗ trợ xây đập Ba còng xã Bàn đạt	15	
8. Hỗ trợ S/c Trạm thuỷ luân Lữ yên.	10	



-HI- 18

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 1999

NGUỒN VỐN: CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo quyết định số: 1453 /QĐ-UB ngày 25 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Danh mục công trình	Kế hoạch 1999	Ghi chú
1	2	3
Tổng số:	11.148	
I/ Thành phố Thái Nguyên.	9.160	T.đó năm 98 chuyển sang: 4.610 Tr.đ (có 568 triệu đồng tính điều hành)
A. Trả nợ khối lượng năm 1998:	438	
1, Xây dựng Trường tiểu học xã Phúc triu	22	
2, Hỗ trợ xây dựng Trụ sở quân sự Thành phố	100	
3, Xây dựng Trường cấp 1 xã Thịnh Đán	50	
4, Xây dựng Trụ sở UBND Phường Túc duyên	12	
5, Xây dựng Trụ sở UBND Phường Cam Giá	16	
6, Xây dựng Trụ sở UBND Phường Lương Sơn	23	
7, Điện chiếu sáng đường Hoàng Văn Thụ.	5	
8, Dự án Thoát nước Khu Nam Thành phố	192	
9, Xây dựng nhà vệ sinh UBND Phường Quang Trung.	18	
B. Công trình chuyển tiếp:	1.213	
1, Nhà trẻ Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên.	535	
2, Xây dựng Trung tâm xúc tiến việc làm Thành phố	234	
3, Xây dựng Đường quy hoạch Khu dân cư Minh cầu	65	
4, Xây dựng đường thoát nước Khu dân cư Minh cầu	128	
5, San nền Khu dân cư Minh cầu	55	
6, Xây dựng nhà làm việc UBND Phường Trưng vương	71	
7, Quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm phía Bắc (quán triêu)	60	
8, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất TP Thái Nguyên.	65	
C. Công trình xây dựng năm 1999:	4.506	
1, Xây dựng bể bơi nhà Thiếu nhi Thành phố.	1.000	
2, San gạt đến bù Nghĩa trang Khu Nam	150	
3, Xây dựng công viên Sông cầu.	450	
4, Xây dựng Hội trường văn hoá Phường Tân Thành	20	
5, Xây dựng vườn hoa cổng trường Lương Ngọc Quyến	30	

19

1	2	3
42, Đường Phan đình Phùng Thành phố Thái Nguyên	200	
D. Chuẩn bị đầu tư:	310	
1, Dự án quy hoạch hệ thống Thuỷ lợi Thành phố.	50	
2, Dự án quy hoạch khu TTCP tập trung	50	
3, DA, Thiết kế nhà làm việc khối cơ quan Chính quyền	40	
4, Dự dự, T. kế nhà làm việc Công ty Quản lý Đô thị	40	
5, Dự án, T. kế nhà làm việc TT Y tế Thành phố.	20	
6, Dự án T. kế nhà làm việc Phòng giáo dục Thành phố	20	
7, Dự án T. kế nhà làm việc UBND xã Phúc Trìu	20	
8, Dự án T. kế nhà làm việc tầng 2 UBND xã Thịnh Đức	10	
9, Dự án T. kế nhà làm việc tầng 2 UBND xã Thịnh Đán	10	
10, Dự án T. kế nhà làm việc tầng 2 UB Tân Thịnh	10	
11, Thiết kế đường điện xã Phúc Xuân	40	
Đ. Đền bù, San gạt:	1.393	
E. Nạo vét, xây cống rãnh thoát nước:	1.300	
1, Quy hoạch thoát nước TPTN	270	
2, Quy hoạch chi tiết lập DA Hồ Xương Rồng	500	
3, Nạo vét cống rãnh thoát nước	530	Có KH chi tiết sau
II/ Thị xã Sông Công.	352	T. đó năm 98 chuyển sang 80 Tr.đ
A. Trả nợ khối lượng năm 1998:	180	
1, Trạm biến áp Mỏ Chè	30	
2, Điện chiếu sáng Nội thị	150	
B. Xây dựng năm 1999:	172	
1, Rãnh thoát nước đường Cách Mạng tháng 8	52	
2, Đền bù, giải phóng, san gạt.	120	
III/ Huyện Phổ Yên.	410	T. đó năm 98 chuyển sang 200 triệu đồng
Trả nợ khối lượng năm 1998:	190	
1, Tầng 3 Trụ sở UBND huyện	50	
2, Đường Ba hàng - Ga Phổ yên.	100	
3, Trường cấp 2 xã Trung Thành	40	
Xây dựng mới năm 1999:	220	
1, Trụ sở UBND xã Minh Đức	50	
2, Trụ sở UBND xã Nam Tiến	50	
3, Xây dựng Chợ Bắc Sơn	40	
4, Đền bù, san ủi.	80	
IV/ Huyện Phú Bình.	70	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 1999

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

(Theo quyết định số: 153 /1999/QĐ-UB, ngày 15 /6/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đợt 2

Đơn vị: Triệu đồng.

Các công trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch 1999	Chủ đầu tư
1	2	3	4
<u>TỔNG SỐ</u>		<u>1.735</u>	
<u>I. Thiết kế quy hoạch.</u>		<u>1.192</u>	
1/ QH phát triển KT-XH tỉnh Thái Nguyên đến 2010	97-98	115	Sở KH&ĐT
2/ QH phát triển KT-XH TPTN đến năm 2010	97-99	45	UBND TPTN
3/ QH nước sạch vệ sinh môi trường tỉnh Thái Nguyên đến 2010	97-98	25	Sở KH&ĐT
4/ QH quản lý tài nguyên khoáng sản tỉnh Thái Nguyên	98-99	29	Sở Công nghiệp
5/ QH KT-XH huyện Phú bình đến 2010	99	75	UBND Phú bình
6/ QH KT-XH huyện Phổ yên đến 2010	99	75	UBND Phổ yên
7/ QH KT-XH Thị xã Sông công đến 2010	98-99	45	UBND TX Sông công
8/ QH KT-XH huyện Đồng hỷ đến 2010	98-99	75	UBND Đồng hỷ
9/ QH KT-XH huyện Đại từ đến 2010	98-99	50	UBND đại từ
10/ QH KT-XH huyện Định hoá đến 2010	99	75	UBND định hoá
11/ QH KT-XH huyện Phú lương đến 2010	99	75	UBND Phú lương
12/ QH lưới điện tỉnh Thái Nguyên đến 2010	99	80	Sở Công nghiệp
13/ QH chi tiết Khu công nghiệp Sông Công, bản đồ tỷ lệ 1/500	99	150	Sở xây dựng
14/ QH Trung tâm Cụm xã các đường Võ Nhai	98	178	UBND Võ Nhai



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 1999

Trả nợ khối lượng vượt kế hoạch năm 1996 - 1997

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

(Theo quyết định số: 173 /1999/QĐ-UB, ngày 16 /1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng.

Các công trình	Kế hoạch 1999	Ghi chú
<u>TỔNG SỐ</u>	<u>10.000</u>	
1/ Cầu Khe Mo Đồng Hỷ.	220	
2/ Đường Yên thông Phú đình	90	
3/ Đường đá bay - Thanh Xuân	1.500	
4/ Đường Vũ Chấn - Nghinh Tường	1.480	
5/ Cầu treo Hà Châu	450	
6/ Trường PTTH Năng khiếu TPTN.	740	
7/ Trung tâm giáo dục 05, 06	1.640	
8/ Trụ sở xã Thanh định	350	
9/ Đài tưởng niệm Định Hoá	1.000	
10/ Trụ sở huyện Ủy Phổ Yên	260	
11/ Hệ thống điện cụm xã Lam vĩ Định Hoá	920	
12/ Đường Đình cả - Khuôn Mánh	500	
13/ Trường PTTH Việt Bắc	850	

22
ph

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 1999
(Theo quyết định số: 1153 /1999/QĐ-UB, ngày 25 / 6 /1999
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng.

Các công trình	KH giao đầu năm 1999			KH điều chỉnh năm 1999		
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		XL	TB		XL	TB
1	2	3	4	5	6	7
I. VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG						
1/ Chuẩn bị đầu tư của ngành giáo dục đào tạo	50	-	-	50	-	-
- DA Trường PTTH Dương Tự Minh	-	-	-	17	-	-
- DA Trường PTTH Định Hoá	-	-	-	17	-	-
- DA Trường PTTH Phú Lương	-	-	-	16	-	-
2/ Trung tâm cụm xã Cúc đường Võ Nhai	1.000	630	-	1.000	800	-
3/ Hệ thống điện Khu ATK Định Hoá	500	100	260	500	400	-
II. VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
1/ Chuẩn bị đầu tư của ngành nông nghiệp	310	-	-	310		
- <i>Sở NN&PTNT làm chủ đầu tư:</i>						
+ DA kênh N17-30	-	-	-	20	-	-
+ DA kiên cố kênh chính Hồ Núi cốc	-	-	-	78	-	-
+ DA sửa chữa các trạm bơm điện	-	-	-	10	-	-
+ DA đánh giá hiện trạng và KH sửa chữa các công trình thủy lợi.	-	-	-	40		
+ DA sửa chữa khu vệ sinh Sở NN&PTNT	-	-	-	5	-	-
- <i>UBND Đại từ làm chủ đầu tư:</i>					-	-
+ DA đập La bằng	-	-	-	19	-	-
+ DA Trạm bơm điện Bản ngoại	-	-	-	30	-	-
- <i>UBND Đồng hỷ làm chủ đầu tư:</i>						
+ DA Hồ cửa làng	-	-	-	25	-	-
+ DA sửa chữa Trạm bơm Linh nam	-	-	-	20	-	-

1	2	3
12. Hỗ trợ ngôi nhà trường học	60	
13. Sửa chữa nhà làm việc cơ quan huyện	32	
IV/ Huyện Định Hoá:	480	
1. Trả nợ các công trình phụ trợ khối cơ quan huyện.	200	
2. Trả nợ nhà quản lý hồ Bảo linh	18	
3. Trả nợ lắp đặt máy X Quang Trung tâm Y tế.	11	
4. Trả nợ cải tạo phòng họp UBND huyện	100	
5. Trả nợ Khán đài mít tinh 20/5	24	
6. Sửa chữa đường liên xã Chợ Chu - Tân dương	30	
7. Xây dựng đường tràn suối Ngà - Bảo Cường	36	
8. Sửa chữa Cầu xóm Nản - Chợ Chu	12	
9. S/c cầu, đường giao thông các xã: Bộc nhiều, Định biên - Linh thông.	16	
10. Bìa Liệt sĩ.	19	
11. Đền bù mặt cầu làng tổ Phương Tiến.	14	
V/ Huyện Võ Nhai:	495	
1. Sửa chữa đập Bó bé Thượng Nung	26	
2. Nâng cấp nhà khách Huyện uỷ	7	
3. QH, thiết kế Chợ Đình cả	8	
4. TKDT đường và cầu vào Trường cấp 3	30	
5. Nước sinh hoạt cơ quan (giếng + bơm)	21	
6. Trả nợ đường điện La hiên + Lâu thượng	90	
7. Đập vén nà - Bình long	50	
8. Công trình phụ trợ nhà Văn hoá, Huyện uỷ và UBND huyện	123	
9. Sửa chữa cầu số 2-3 đường La Hiên đi Cúc đường	50	
10. Sửa chữa cầu Cúc đường - Vũ chấn	20	
11. CBĐT và qui hoạch bãi rác, nghĩa địa và sân vận động huyện.	50	
12. Dự phòng chống bão lụt	20	
VI/ Thành phố Thái Nguyên.	577	
Trả nợ khối lượng năm 1998	437	
1. Cải tạo Hội trường Thành uỷ Thái Nguyên	59	
2. Cải tạo Hội trường UBND Thành phố Thái Nguyên	36	
3. Lắp điện trụ sở UBND xã Lương sơn và Phường Cam giá	5	
4. Sửa chữa nhà làm việc Thanh tra Thành phố	6	
5. Sửa chữa nhà câu lạc bộ hưu trí	5	
6. Panô đảo tròn Trung tâm Thành phố.	4	



24
-H1

1	2	3
9. Hỗ trợ xây trạm bơm Lang trình - Lương phú.	16	
10. Trả nợ khối lượng XD Trụ sở UBND xã Bàn đát và Tân Kim	140	
11. Xây dựng Trụ sở UBND xã Tân Đức	50	
12. Xây dựng Trụ sở UBND Thị trấn Úc Sơn.	50	
13. Xây dựng Hội trường xã Kha Sơn	28	
14. Sửa chữa các công trình khác.	20	
15. Dự phòng bảo lụt.	16	
16. Chuẩn bị đầu tư.	40	
<u>IX/ Huyện Phổ Yên.</u>	<u>260</u>	
1. Trạm bơm Tân trung Đắc Sơn.	13	
2. Cống giao thông nông thôn.	40	
3. Hội trường UBND huyện Phổ Yên.	200	
4. Cống xây qua đường Cống thượng - Hồng Tiến.	7	



1	2	3
6, Xây kênh N ₂ b xã Tân Cương	72	
7, Xây kênh N ₄ A xã Thịnh Đức	90	
8, Xây kênh hai Trạm bơm xã Phúc Hà	60	
9, Xây kênh Đồng Nội và Khuôn Hai Phúc Triu	63	
10, Xây kênh thay bơm Tử cá Gia Sàng	48	
11, Xây kênh thay máy bơm Phường Phan Đình Phùng	21	
12, Xây kênh N ₉ A Phường Tân Thịnh	45	
13, Cống tiêu nước đồng Chọi Phường Trung Thành	54	
14, Xây dựng Trạm bơm điện xã Thịnh Đán.	32	
15, Thay hai máy bơm Phường Cam Giá	15	
16, Xây kênh, thay máy bơm Dân tiến - Túc Duyên.	50	
17, Hỗ trợ ống cống giao thông Phường xã	150	
18, Lát vỉa hè Nội thị	150	
19, Đường khu dân cư nhà văn hoá Thiếu nhi-Nhà thờ	150	
20, Xây dựng ngầm đường giao thông Phúc Triu	35	
21, Đường làng Cả - Hoà Bắc xã Thịnh Đức.	50	
22, Đường giao thông xã Phúc Xuân	50	
23, Đường giao thông từ QL3 - Doanh trại Quân đội xã Tích lương	60	
24, Đường từ UBND Lương Sơn - Quốc lộ 3.	50	
25, Đường Phường Phú xá từ CM tháng 8 - Quốc Lộ 3.	50	
26, Xây dựng sân, hàng rào, nhà vệ sinh Trụ sở Lương sơn	50	
27, Xây dựng sân, cống, nhà văn hoá, vệ sinh Trụ sở Phúc Triu	50	
28, Xây dựng sân, hàng rào, vệ sinh Trụ sở Cam giá	50	
29, Xây dựng sân, hàng rào, vệ sinh Trụ sở Túc Duyên	50	
30, Xây dựng nhà vệ sinh Phòng văn hoá Thành phố	20	
31, Xây dựng sân, nhà vệ sinh Trụ sở Tân Lập	30	
32, S/c Trụ sở UBND Phường Hoàng Văn Thụ	30	
33, S/c Trụ sở UBND xã Tích Lương.	20	
34, Làm mái nhà Hội trường Thành uỷ Thái Nguyên.	43	
35, Xây dựng sân, kè Trụ sở UBND Phường Quang Trung	20	
36, Sửa chữa nhà làm việc Khối Dân.	50	
37, Xây dựng Trường Trung học cơ sở Tân Cương	200	
38, Xây dựng Trạm Y tế Phường Đồng Quang.	30	
39, Đường Cách Mạng Tháng 8 Thành phố Thái Nguyên.	215	
40, Đường Nha trang Thành phố Thái Nguyên	403	
41, Nhà văn hoá Phường Hoàng Văn Thụ TPTN	100	

26
Hph

1	2	3
Trả nợ Trụ sở UBND xã Nhã Lộng	70	
<u>VI/ Huyện Đình Hoá.</u>	<u>145</u>	Có 75 triệu đồng của
1, Nâng cấp đường 254-Trường cấp 3	55	năm 98 chuyển sang
2, Đường Dốc châu - Đài tưởng niệm.	90	
1	2	3
<u>VI/ Huyện Đại Từ.</u>	<u>140</u>	
1, Xây dựng Trụ sở UBND xã Hà Thượng	80	
2, San nền mặt bằng trường PTCS xã Phú Cường	60	
<u>VII/ Huyện Đồng Hỷ.</u>	<u>306</u>	T.đó có 166 triệu
1, Quy hoạch chi tiết Khu văn hoá TT Chùa Hang	50	năm 98 chuyển sang
2, Lập quy hoạch Trung tâm các xã	45	
3, Xác định lộ giới Trung tâm Trại Cau	15	
4, CBĐT chợ Chùa hang, nghĩa trang xã Linh Sơn.	30	
5, Quy hoạch và Xây dựng chợ Chùa hang	166	
<u>VIII/ Huyện Võ Nhai.</u>	<u>425</u>	T.đó: 215 triệu
1, Đền bù lấy đất Khu dân cư	320	năm 98 chuyển sang
2, Xây dựng Chợ Đình cả.	105	
<u>IX/ Huyện Phú Lương.</u>	<u>140</u>	
- Xây dựng trụ sở UBND xã Phấn mễ	140	

27
B2

1	2	3	4
15/ QH Trung tâm cụm xã Quy kỳ Định hoá	98-99	50	UBND Định hoá
16/ QH trung tâm cụm xã Lam vĩ Định hoá	98-99	50	UBND Định hoá
<u>II. Chuẩn bị đầu tư</u>		<u>298</u>	
1/ DA đường Phan đình Phùng	97	40	UBND TPTN
2/ DA đường nội thị Thành phố Thái Nguyên	97	7	Sở GT vận tải
3/ DA đường Hoá Thượng - Hoà bình	97	64	UBND Đồng hỷ
4/ DA đường Bảo lý-Tân khánh-Tân kim-Tân hoá	97	27	UBND Phú bình
5/ Lập lại DA đường Nghinh tường - Sảng mộc	99	20	Sở GT vận tải
6/ Lập lại DA đường Nước hai-Thần sa	99	10	Sở GT vận tải
7/ DA hệ thống điện xã Phú thượng	97	32	UBND Võ Nhai
8/ DA hệ thống điện xã Tân Phú Phổ yên	98	12	UBND Phổ yên
9/ DA hệ thống điện xã Yên lạc Phú lương	98	10	UBND Phú lương
10/ DA hệ thống điện xã Phúc Thuận	99	15	UBND Phổ yên
11/ DA hệ thống điện chiếu sáng Thị trấn Ba hàng	99	15	UBND Phổ yên
12/ DA hệ thống điện chiếu sáng Thị trấn Chợ Chu	99	15	UBND Định hoá
13/ DA cấp nước Thị trấn Úc sơn Phú bình	98	31	UBND Phú bình
<u>III. Chuẩn bị xây dựng.</u>		<u>245</u>	
1/ Hệ thống điện xã Yên lạc Phú lương	99	35	UBND Phú lương
2/ Hệ thống điện xã Tân phú Phổ yên	99	45	UBND Phổ yên
3/ Hệ thống điện cụm 3 xã Quy kỳ Định hoá	98	20	UBND Định hoá
4/ DA đường giao thông và Chợ TT cụm xã Cúc đường	98	14	UBND Võ Nhai
5/ DA cấp nước Thị trấn Đại từ	98	100	UBND Đại từ
6/ DA TT giáo dục nuôi dưỡng trẻ em thiệt thòi	97	31	TT giáo dục trẻ em thiệt thòi

28
 BK

1	2	3	4	5	6	7
- UBND TX Sông công làm chủ đầu tư:						
+ DA kiên cố kênh mương tuyến N ₄ , N ₆	-	-	-	25	-	-
- TT Khuyến nông làm chủ đầu tư:						
+ DA kênh trại lúa An Khánh	-	-	-	15	-	-
+ DA kênh trại giống lúa Tân Kim	-	-	-	10	-	-
+ DA ao cá trại Cù vân Đại từ	-	-	-	5	-	-
- Chi cục thú y làm chủ đầu tư:						
+ DA trạm thú y BVTV Phú lương	-	-	-	5	-	-
+ DA Trạm thú ý Phổ yên	-	-	-	3	-	-
2/ Trung tâm chính trị Phổ yên.	93	93	-	93	88	-
3/ Trụ sở huyện Phổ yên.	170	155	-	-	-	-
4/ Trụ sở tỉnh hội phụ nữ	300	300	-	470	470	-

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: 1753/1999/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v giao kế hoạch đầu tư đợt 2 năm 1999

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN.

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND,
- Căn cứ quyết định số: 306/1999/QĐ-UB ngày 27/1/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 1999.
- Căn cứ công văn số: 1888BKH/TH ngày 26/3/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc thông báo thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng vượt kế hoạch năm 1996 - 1997.
- Xét đề nghị của ông Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư và xây dựng đợt 2 năm 1999 cho UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, các Sở, ban, Ngành và các chủ đầu tư (Có biểu chi tiết kèm theo).

- Chỉ tiêu vốn thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng vượt kế hoạch 1996-1997, được thanh toán đến ngày 30/6/1999.

Điều 2: Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo đơn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị thực hiện kế hoạch được giao.

Điều 3: Các Ông, Bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố, Thị xã, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/hiện).
- Bộ KH và ĐT (B/cáo).
- Bộ tài chính (B/cáo).
- TT Tỉnh ủy (B/cáo).
- TT HĐND (B/cáo).
- Lưu VP, XDCB.

TM/UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

CHỦ TỊCH



Mai Phúc Toàn